

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HS - ST
Ngày 19/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nông Hữu Thái;

2/ Ông Bùi Văn Khiếu.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Xuân – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Đức Biên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2024/TLHS - ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị B; tên gọi khác: Không; sinh ngày 24 tháng 4 năm 1982 tại tỉnh Hải Dương; nơi ĐKKTT và chỗ ở: **Tổ A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn**; nghề nghiệp: Viên chức; Đảng, đoàn thể: Đảng viên **Đ**, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 11/8/2023 theo Quyết định số 397-QĐ/UBKTTU ngày 11/8/2023 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy B2; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: **Nguyễn Bá H** và bà: **Hoàng Thị H1**; chồng: **Nguyễn Văn N**; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Trong khoảng thời gian từ 17/8/2021 đến ngày 25/01/2022 **Nguyễn Thị B** có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông **Đoàn Ngọc C** (Sinh năm 1959, trú tại **tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn**) nên ngày 21/11/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Bắc Kạn ra quyết định khởi tố bị can về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh B** từ ngày 01/8/2023 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị hại:* Bà **Hoàng Thị N1**, sinh năm 1968; địa chỉ: **Tổ H, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn**; nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+Chị **Hoàng Thị T**, sinh năm 1991; địa chỉ: **Tổ H, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn**; nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà **Hoàng Thị H1**, sinh năm 1960; địa chỉ: **Tổ A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn**; nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt.

* *Người làm chứng*: Ông **Hoàng Hữu V**, sinh năm 1960; địa chỉ: **Tổ G, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà **Hoàng Thị N1** (Sinh năm 1968, trú tại: **tổ H, phường P, TP B, tỉnh Bắc Kạn**) có con gái là chị **Hoàng Thị T** (Sinh năm 1991, trú cùng địa chỉ trên). Từ năm 2018 chị **T** làm việc tại nhóm trẻ Anh **Q** tại **phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn** do **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1982, trú tại: **tổ A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn** làm chủ (thời điểm này **B** đang là giáo viên **Trường Mầm non P**). **B** và bà **N1** là chị em họ với nhau nên **B** đã nói chuyện với bà **N1** là **B** có thể nhờ người khác xin cho chị **T** thi trúng tuyển vào làm viên chức giáo dục mầm non với chi phí hết 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*).

Đầu năm 2019, qua mạng xã hội **Nguyễn Thị B** biết thông tin sắp có đợt thi tuyển viên chức giáo dục trong đó **huyện C và huyện P, tỉnh Bắc Kạn** có chỉ tiêu tuyển viên chức giáo dục mầm non. **B** nói thông tin này với bà **N1**, do tin tưởng lời nói của **B** nên bà **N1** đã đưa tiền cho **B** 04 lần với tổng số tiền là 300.000.000 đ (*Ba trăm triệu đồng*) để “chạy việc” cho chị **T**, cả 04 (bốn) lần bà **N1** giao tiền cho **B** đều tại nhà của **B** tại **tổ A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn** vào các ngày 05/01/2019 âm lịch (tức ngày 09/02/2019 dương lịch) số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng); ngày 07/01/2019 âm lịch (tức ngày 11/02/2019 dương lịch) số tiền là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng); ngày 15/01/2019 âm lịch (tức ngày 19/02/2019 dương lịch) số tiền là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng); ngày 18/01/2019 âm lịch (tức ngày 22/2/2019 dương lịch) số tiền là 80.000.000 đ (**T1** mươi triệu đồng), các lần bà **N1** đưa tiền cho **B** đều ghi lại vào sổ cá nhân.

Sau khi **B** nhận tiền từ bà **N1**, **B** mua 01 (một) bộ hồ sơ và đưa cho chị **T** làm hồ sơ đăng ký thi tuyển viên chức giáo dục mầm non và đưa chị **T** đi nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ **huyện P, tỉnh Bắc Kạn**, còn số tiền 300.000.000 đ (Ba trăm triệu đồng) bà **N1** đã đưa cho, **B** đầu tư tiền ảo và chơi chứng khoán trên mạng hết. Đầu tháng 7/2019, chị **T** đi thi tuyển viên chức giáo dục mầm non tại **huyện P, tỉnh Bắc Kạn**, kết quả không đạt từ vòng 1. Sau đó gia đình bà **N1** nhiều lần đòi lại số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) thì **B** khất lần và nói với bà **N1** rằng đã đưa số tiền này cho một người tên **S** làm trong ngành giáo dục có số điện thoại là 0967.252.083. Thực tế số điện thoại này là của **B** (ngày 01/8/2023, Cơ quan CSĐT Công an thành phố B khám xét khẩn cấp và thu giữ tại nhà **Nguyễn Thị B**), **B** sử dụng số điện thoại này giả danh người tên **S** gọi điện nói chuyện với gia đình bà **N1** để tạo lòng tin và khất lần việc trả lại tiền cho gia đình bà **N1**. Ngày 22/7/2023,

B viết 01 (một) giấy biên nhận khát nợ tại nhà ông **Hoàng Hữu V**, sinh năm 1960, trú tại **tổ G, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn** (ông **V** là anh chồng của bà **N1**) nội dung thể hiện việc **B** đã nhận của bà **N1** số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) để “chạy việc” cho chị **T**.

Trong quá trình điều tra, **Nguyễn Thị B** thừa nhận bản thân là giáo viên mầm non, không có chức năng chức năng tuyển dụng nhưng đã nhận của bà **N1** số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) để “chạy việc” cho chị **T**, **B** khai được nhận của bà **N1** số tiền là 300.000.000 đ (Ba trăm triệu đồng) 04 lần: lần thứ nhất nhận tiền từ chị **T** tại **Trường Mầm non P** với số tiền là 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng), lần thứ hai nhận tiền từ chị **T** tại **Trường mầm non P** nhưng không nhớ số tiền đã nhận; Lần thứ ba và lần thứ tư nhận tiền của bà **N1** tại nhà của **Nguyễn Thị B** tại **A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn**, **B** không nhớ số tiền cụ thể. Chị **Hoàng Thị T** khai không được trực tiếp giao tiền cho **B** lần nào, việc giao nhận tiền giữa **B** và bà **N1** do bà **N1** trực tiếp thực hiện.

Lời khai của bị cáo **Nguyễn Thị B** mâu thuẫn với lời khai của bà **Hoàng Thị N1** và chị **Hoàng Thị T** về địa điểm và người trực tiếp đưa tiền cho **B** ở lần thứ nhất và lần thứ hai, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng các bên vẫn giữ nguyên quan điểm. Tuy nhiên lời khai của bị hại là bà **Hoàng Thị N1** rất chi tiết, cụ thể về thời gian, địa điểm và số tiền từng lần đưa cho **B** (đã được bà **N1** ghi chép cụ thể) và phù hợp với lời khai của chị **Hoàng Thị T** cũng khẳng định không được đưa tiền trực tiếp cho **B** lần nào. Do đó lời khai của bà **Hoàng Thị N1** là có căn cứ chính xác. Mặt khác bị cáo và bị hại đều khẳng định thống nhất với nhau về số lần đưa và tổng số tiền mà **B** đã nhận của gia đình bà **N1** để chạy việc cho chị **T** là 300.000.000đ.

Tại bản kết luận giám định số 86/KTHS-GĐTL ngày 28/02/2024 của **Phòng K Công an tỉnh B** kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên “**Nguyễn Thị B**” trên mẫu so sánh (ký hiệu M) là do cùng một người ký, viết ra (trừ chữ ký, chữ viết dưới mục “Người đưa tiền” và dưới mục “Người làm chứng”).

* Về vật chứng:

Các vật chứng được nhập kho, bảo quản theo quy định gồm:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen số seri 350618541547639, số IMEI 350618541547639 đã qua sử dụng, trong máy gắn sim mạng Viettel có số thuê bao là 0967252083;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, loại máy cảm ứng đã qua sử dụng, số seri F2NSVSLPHFYD, số máy MN4V2VN/A, số EMEI 353808084848638, bên trong có sim mạng Mobiphone số thuê bao 0766329222;

- 01 (một) chiếc ốp điện thoại bằng nhựa đã qua sử dụng.

Vật chứng chuyên theo hồ sơ vụ án gồm:

- 01 (một) tờ giấy trích từ sổ ghi chép cá nhân của bà Hoàng Thị N1 (bản phô tô) ghi thời gian, số tiền giao cho Nguyễn Thị B.

- 01 (một) tờ giấy biên nhận và khất nợ (bản phô tô) đề ngày 22/7/2023 có chữ ký có tên Nguyễn Thị B.

Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Nguyễn Thị B thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị can cơ bản phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác Cơ quan điều tra thu thập được.

Tại bản Cáo trạng số 19/CT - VKSTP ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 03 năm:

.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B từ 07 đến 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 01/8/2023.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586; 589; 357 và 468 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo **Nguyễn Thị B** phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà **Hoàng Thị N1** số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). **Xác nhận bà Hoàng Thị H1 đã bồi thường thay cho bị cáo số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).**

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- **Tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước:** 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen số seri 350618541547639, số IMEI 350618541547639 đã qua sử dụng, trong máy gắn sim mạng Viettel có số thuê bao 0967252083;

- **Tạm giữ** 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, loại máy cảm ứng đã qua sử dụng, số seri F2NSVSLPHFYD, số máy MN4V2VN/A, số EMEI 353808084848638, bên trong có sim mạng Mobiphone số thuê bao 0766329222, để bảo đảm thi hành án cho bị cáo.

- **Tịch thu tiêu hủy:** 01 (một) chiếc ốp điện thoại bằng nhựa đã qua sử dụng; 01(một) xác sim mạng **V1** có số thuê bao 0967252083.

- Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án: 01 (một) tờ giấy trích từ sổ ghi chép cá nhân của bà **Hoàng Thị N1** (bản phô tô) ghi thời gian, số tiền giao cho **Nguyễn Thị B**; 01 (một) tờ giấy biên nhận và khát nợ (bản phô tô) đề ngày 22/7/2023 có chữ ký có tên **Nguyễn Thị B**.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bị cáo **Nguyễn Thị B** thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo nhất trí với mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại số tiền còn thiếu là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Bị hại bà **Hoàng Thị N1** yêu cầu bị cáo **Nguyễn Thị B** bồi thường số tiền 300.000.000 đ (Ba trăm triệu đồng). Hiện tại bà **Hoàng Thị H1** (Mẹ đẻ của bị cáo **B**) đã bồi thường cho bà **N1** số tiền 20.000.000 đồng nên bà **N1** yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bà **N1** đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà **Hoàng Thị H1** trình bày: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo **B** đã tác động gia đình, nhờ bà đứng ra bồi thường cho bị hại bà **Hoàng Thị N1** số tiền 20.000.000 đồng. Số tiền này là tiền của bà bỏ

ra bồi thường thay cho bị cáo. Tuy nhiên bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho bà số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Hoàng Thị T** vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án khẳng định: Chị **T** không được đưa tiền trực tiếp cho bị cáo **B** lần nào. Tất cả các lần giao tiền đều do bà **Hoàng Thị N1** trực tiếp giao cho bị cáo **B**. Ngoài ra chị **T** không có ý kiến gì khác.

Người làm chứng ông **Hoàng Hữu V** có lời khai phù hợp với Cáo trạng của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an thành phố B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát **thành phố B**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo **Nguyễn Thị B** thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, cơ bản phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do vậy có căn cứ xác định:

Trong năm 2019, **Nguyễn Thị B** mặc dù không có chức năng tuyên dụng nhưng đã đưa ra thông tin gian dối là Bắc xin được việc cho con gái của bà **Hoàng Thị N1** là chị **Hoàng Thị T** làm viên chức giáo dục mầm non với chi phí hết 300.000.000đồng. Bà **N1** đã tin tưởng vào lời nói của **B** nên trong các ngày 09/02/2019; 11/02/2019; 19/02/2019; 22/2/2019 bà **N1** đã đưa tiền cho **B** 04 (bốn) lần với tổng số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Sau khi nhận được tiền từ bà **N1**, **B** không sử dụng để xin việc cho chị **Hoàng Thị T** như đã hứa mà dùng số tiền đó đầu tư tiền ảo và chơi chứng khoán trên mạng hết.

Hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Tội phạm bị cáo thực hiện thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do vậy, cần xử lý theo pháp luật hình sự.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo **Nguyễn Thị B** tuy chưa bị Toà án nào xét xử, cũng chưa bị cơ quan nào xử phạt vi phạm hành chính lần nào nhưng ngoài lần phạm tội này thì trong khoảng thời gian từ 17/8/2021 đến ngày 25/01/2022 **Nguyễn Thị B** có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông **Đoàn Ngọc C** (Sinh năm 1959, trú tại **tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn**) nên ngày 21/11/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Bắc Kạn ra quyết định khởi tố bị can về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do vậy **Nguyễn Thị B** cũng bị coi là có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội và bị cáo **đã tác động mẹ đẻ là bà Hoàng Thị H1 bồi thường cho bị hại Hoàng Thị N1 số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), đồng thời** bị cáo còn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B2 tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” năm học 2012-2013; 2016-2017 và tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm học 2017-2018. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” và “*Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong công tác*” quy định tại điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, do vậy bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành một mức hình phạt tù trong một khoảng thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo hiện tại đã không còn việc làm, không có tài sản riêng, việc áp dụng hình phạt bổ sung là không khả thi, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là “Phạt tiền” đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Đến thời điểm hiện tại bà **Hoàng Thị H1** (Mẹ đẻ của bị cáo **B**) đã bồi thường cho bà **N1** số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) nên bà **N1** yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Xét thấy yêu cầu của bị hại là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật do vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bà **Hoàng Thị N1** số tiền còn lại là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen số seri 350618541547639, số IMEI 350618541547639 đã qua sử dụng, trong máy gắn sim mạng Viettel có số thuê bao 0967252083, là chiếc điện thoại bị cáo sử

dụng để liên lạc và nhắn tin thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu hóa giá sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, loại máy cảm ứng đã qua sử dụng, số seri F2NSVSLPHFYD, số máy MN4V2VN/A, số EMEI 353808084848638, bên trong có sim mạng Mobiphone số thuê bao 0766329222, không liên quan đến việc phạm tội, tuy nhiên cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án cho bị cáo.

- Đối với 01 (một) chiếc ốp điện thoại bằng nhựa đã qua sử dụng; 01(một) xác sim mạng **V1** có số thuê bao 0967252083, đều không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 (một) tờ giấy trích từ sổ ghi chép cá nhân của bà **Hoàng Thị N1** (bản phô tô) ghi thời gian, số tiền giao cho **Nguyễn Thị B**; 01 (một) tờ giấy biên nhận và khát nợ (bản phô tô) đề ngày 22/7/2023 có chữ ký có tên **Nguyễn Thị B**, cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với sự việc bà **Hoàng Thị N1** khai trong thời gian chị **Hoàng Thị T** làm việc tại Nhóm trẻ Anh **Q** của **Nguyễn Thị B**, vào tháng 6/2019, chị **T** có hành vi dùng nịt chun bắn vào chân học sinh, bà **N1** đã đưa cho **B** số tiền là 45.000.000đồng, để nộp phạt vi phạm hành chính và bồi thường thiệt hại cho gia đình học sinh, bồi thường thiệt hại cho cơ sở Nhóm trẻ của **B** bị ảnh hưởng uy tín, thiệt hại doanh thu, các bên đã thống nhất giải quyết với nhau, đến nay bà **N1** cũng không có ý kiến yêu cầu đề nghị gì khác. Xác định không có dấu hiệu tội phạm nên Cơ quan điều tra không xem xét giải quyết là phù hợp.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí đối với bị cáo là phù hợp, có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị B** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị B** 07 (**B1**) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày **01/8/2023**.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 357 và 468 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo **Nguyễn Thị B** phải bồi thường **thiệt hại về tài sản cho bà Hoàng Thị N1 với số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)**. Xác nhận bà **Hoàng**

Thị H1 đã bồi thường thay cho bị cáo số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- **Tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước:** 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen số seri 350618541547639, số IMEI 350618541547639 đã qua sử dụng, trong máy gắn sim mạng Viettel có số thuê bao 0967252083.

- Tạm giữ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, loại máy cảm ứng đã qua sử dụng, số seri F2NSVSLPHFYD, số máy MN4V2VN/A, số EMEI 353808084848638, bên trong có sim mạng Mobiphone số thuê bao 0766329222, để bảo đảm thi hành án cho bị cáo.

- **Tịch thu tiêu hủy:** 01 (một) chiếc ốp điện thoại bằng nhựa đã qua sử dụng; 01(một) xác sim mạng **V1** có số thuê bao 0967252083.

- Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án: 01 (một) tờ giấy trích từ sổ ghi chép cá nhân của bà **Hoàng Thị N1** (bản phô tô) ghi thời gian, số tiền giao cho **Nguyễn Thị B**; 01 (một) tờ giấy biên nhận và khất nợ (bản phô tô) đề ngày 22/7/2023 có chữ ký có tên **Nguyễn Thị B**.

*(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn).*

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Bị cáo **Nguyễn Thị B** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ

ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND TP Bắc Kạn;
- Công an TP Bắc Kạn;
- THADS TP Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL,NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

